

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 25-8-2022

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thanh Phương

Bà Lê Thị Kim Xuyên

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Đặng Văn Hoàng Yên– Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 357/2022/TLST-HNGĐ ngày 20/6/2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 727/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị Tú T, sinh năm 1993

Địa chỉ: tổ 8, ấp Bưng Môn, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai

2. Bị đơn: Anh Phạm Hữu N, sinh năm 1989

Địa chỉ: ấp Phú Mỹ 2, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T và anh N vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/01/2022 và các lời khai tại hồ sơ, nguyên đơn chị Võ Thị Tú T trình bày: Chị và anh Phạm Hữu N xây dựng gia đình với nhau năm 2016, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 17 tháng 12 năm 2016. Nay chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N. Nguyên nhân chị T yêu cầu ly hôn là do vợ chồng chung sống không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn.

Về con chung: Chị và anh N có 02 con chung là cháu Phạm Đình B, sinh ngày 19/10/2016 và cháu Phạm Hiếu T, sinh ngày 10/8/2020. Nếu ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị T khai không có.

Bị đơn anh Phạm Hữu N trình bày theo bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 28/7/2022:

Anh và chị Võ Thị Tú T tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/12/2016. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 8/2021 phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau nên đã sống ly thân từ tháng 8/2021. Do đó, nay chị T xin ly hôn, anh N đồng ý thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung là cháu Phạm Đình B, sinh ngày 19/10/2016 và cháu Phạm Hiếu T, sinh ngày 10/8/2020. Anh N đồng ý giao hai con chung cho chị T nuôi dưỡng, tạm thời anh N không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Anh N đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt trong quá trình tố tụng giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh N. Về con chung: giao hai con chung cho chị T được quyền nuôi dưỡng, tạm thời anh N không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Võ Thị Tú T và bị đơn anh Phạm Hữu N vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T và anh N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Hữu N và chị Võ Thị Tú T xây dựng gia đình với nhau năm 2016, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 117 ngày 17/12/2016, việc kết hôn do cả hai đều tự nguyện nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Chị T xin ly hôn với anh N với lý do vợ chồng chung sống

không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Anh N xác định vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, do vợ chồng không hợp nhau nên đồng ý thuận tình ly hôn với chị T.

Hội đồng xét xử xét thấy, chị T và anh N chung sống không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn là đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T yêu cầu ly hôn, anh N đồng ý thuận tình ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh N là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nuôi con chung: Chị T và anh N có 02 người con chung là cháu Phạm Đình B, sinh ngày 19/10/2016 và cháu Phạm Hiếu T, sinh ngày 10/8/2020. Hiện nay cháu B và cháu T do chị T đang nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, cần đảm bảo ổn định cuộc sống và tâm lý của cháu B và cháu T nên Hội đồng xét xử giao 02 con chung là cháu Phạm Đình B và cháu Phạm Hiếu T cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Võ Thị Tú T phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện N về việc đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp ly hôn” của chị Võ Thị Tú T đối với anh Phạm Hữu N.

Xử cho chị Võ Thị Tú T được ly hôn với anh Phạm Hữu N.

Về nuôi con chung: Giao 02 con chung là cháu Phạm Đình B, sinh ngày 19/10/2016 và cháu Phạm Hiếu T, sinh ngày 10/8/2020 cho chị Võ Thị Tú T nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Tạm thời anh Phạm Hữu N không cấp dưỡng con.

Anh Phạm Hữu N được quyền đến thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

2. Về án phí: Chị Võ Thị Tú T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0007981 ngày 10 tháng 6 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Lâm

